

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN PIV

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

(đã được soát xét)



NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 – 6
Báo cáo Tài chính giữa niên độ đã được soát xét:	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	7 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11 – 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần PIV (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần PIV được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102636059 do Sở kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 01 năm 2008, thay đổi lần thứ 24 vào ngày 23 tháng 05 năm 2022.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Số 11/18/199, đường Hồ Tùng Mậu, tổ 3, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trương Tuấn Anh	Chủ tịch HĐQT – Đại diện pháp luật
Ông Nguyễn Duy Bằng	Thành viên
Ông Nhữ Thị Kim Thu	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 07/05/2022)
Ông Nguyễn Hồng Quân	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 07/05/2022)

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Quang	Tổng Giám đốc
--------------	---------------

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Hoàng Tiến Thành	Trưởng ban
Bà Trương Thị Nhung	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 07/05/2022)
Bà Đặng Thị Nụ	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Sáng	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 07/05/2022)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty Cổ phần PIV đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIV

Số 11/18/199, Đường Hồ Tùng Mậu, Tổ 3, P. Cầu Diễn, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2022

TM. Hội đồng quản trị

Chủ tịch



Trương Tuấn Anh



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Số : 517 /BCKT-TC

BÁO CÁO SOÁT XÉT

THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
của Công ty Cổ phần PIV

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần PIV

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán TTP đã kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần PIV được lập ngày 15 tháng 08 năm 2022 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 được trình bày từ trang 07 đến trang 29 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Tuy nhiên, do các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

Theo Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trong 6 tháng đầu năm 2022. Công ty không phát sinh Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào các dự án kinh doanh trong tương lai và khoản đầu tư vào Công ty CP BOT cầu Thái Hà.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 13 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, tổng số thuế phải nộp tại thời điểm 30/06/2022 là 6.734.398.623 đồng. Đây là các khoản thuế đã tồn tại từ những năm trước mà Công ty chưa có khả năng về tài chính để thực hiện nghĩa vụ nộp cho Ngân sách Nhà nước.

Báo cáo tài chính của Công ty đang ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty CP BOT cầu Thái Hà với số tiền 156.601.280.000 đồng, tương đương 4.365.000 cổ phần, chiếm 90% vốn điều lệ của Công ty. Theo Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2022 đã được soát xét của Công ty CP BOT cầu Thái Hà, số lỗ lũy kế tính đến thời điểm 30/06/2022 là 315.123.966.590 đồng. Tại thời điểm 30/06/2022 đơn vị chưa thực hiện

trích lập dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư này. Theo ước tính của chúng tôi, giá trị khoản dự phòng này là 23.220.970.809 đồng. Chúng tôi không thể thu thập được bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ra ý kiến về hiệu quả của khoản đầu tư vào Công ty CP BOT cầu Thái Hà cũng như đánh giá về việc suy giảm giá trị cổ phiếu trong tương lai của việc đầu tư này.

Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận nào về báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2022

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

Phó Tổng Giám đốc



Lê Phương Anh

Số Giấy CN ĐKHN

Kiểm toán: 0739-2018-133-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
100	A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.125.504.862	1.250.299.712
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	783.095.478	918.299.365
111	1. Tiền		783.095.478	918.299.365
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		153.043.000	143.193.000
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	2.905.670.331	2.905.670.331
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	758.470.535	748.620.535
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	27.693.000	27.693.000
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	7	(3.538.790.866)	(3.538.790.866)
140	IV. Hàng tồn kho		-	-
141	1. Hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		189.366.384	188.807.347
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		189.366.384	188.807.347
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
200	B - TÀI SẢN DÀI HẠN		156.779.709.797	157.158.904.601
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		178.429.797	557.624.601
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	178.429.797	557.624.601
222	- Nguyên giá		5.672.635.204	5.672.635.204
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(5.494.205.407)	(5.115.010.603)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	-	-
228	- Nguyên giá		31.284.600	31.284.600
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(31.284.600)	(31.284.600)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	10	156.601.280.000	156.601.280.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	156.601.280.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		156.601.280.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		-	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		157.905.214.659	158.409.204.313

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Số đầu năm

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
300	C - NỢ PHẢI TRẢ		7.022.327.164	7.004.088.966
310	I. Nợ ngắn hạn		7.022.327.164	7.004.088.966
313	1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	6.734.398.623	6.734.398.623
319	2. Phải trả ngắn hạn khác	12	242.290.803	224.052.605
322	3. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		45.637.738	45.637.738
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	D - VỐN CHỦ SỞ HỮU		150.882.887.495	151.405.115.347
410	I. Vốn chủ sở hữu	13	150.882.887.495	151.405.115.347
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		173.249.420.000	173.249.420.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		173.249.420.000	173.249.420.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(261.600.000)	(261.600.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		443.972.144	443.972.144
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		35.157.200	35.157.200
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(22.584.061.849)	(22.061.833.997)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(22.061.833.997)	(20.924.369.957)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(522.227.852)	(1.137.464.040)
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		157.905.214.659	158.409.204.313

Người lập biểu



Lê Thị Thanh Nga

Kế toán trưởng



Lê Thị Thanh Nga

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2022

Chủ tịch HĐQT



Trương Tuấn Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		-	-
11	4. Giá vốn hàng bán		-	-
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		-	-
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	15	2.617	6.285
22	7. Chi phí tài chính		-	-
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17	522.230.469	609.470.501
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}		(522.227.852)	(609.464.216)
31	11. Thu nhập khác		-	-
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		-	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		(522.227.852)	(609.464.216)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		-	-
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		(522.227.852)	(609.464.216)
	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18	(30)	(35)

Người lập biểu



Lê Thị Thanh Nga

Kế toán trưởng



Lê Thị Thanh Nga

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2022

Chủ tịch HĐQT
CÔNG TY
CỔ PHẦN
PIV
Trương Tuấn Anh



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Phương pháp trực tiếp

6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(9.850.000)	(36.000.000)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(113.879.960)	(97.136.013)
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		
5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(11.476.544)	(51.571.172)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>(135.206.504)</i>	<i>(184.707.185)</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.617	6.285
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>2.617</i>	<i>6.285</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33		
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(135.203.887)	(184.700.900)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	918.299.365	413.237.342
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	783.095.478	228.536.442

Người lập biểu



Lê Thị Thanh Nga

Kế toán trưởng



Lê Thị Thanh Nga

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2022

Chủ tịch HĐQT



Trương Tuấn Anh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần PIV được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102636059 do Sở kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 01 năm 2008, thay đổi lần thứ 24 vào ngày 23 tháng 05 năm 2022.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Số 11/18/199, đường Hồ Tùng Mậu, tổ 3, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty: 173.249.420.000 đồng (Một trăm bảy mươi ba tỷ, hai trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng./.)

Mệnh giá cổ phần là 10.000 đ/cp, tương đương 17.324.942 cổ phần.

Số cán bộ công nhân viên: 08 nhân viên

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Cung cấp vật liệu, thiết bị trong lĩnh vực xây dựng, thi công các công trình xây dựng, kinh doanh các thiết bị y tế (chính);
- Dịch vụ thẩm định giá;
- Dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản trong phạm vi sau đây: môi giới, tư vấn, đấu giá, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản, đấu giá tài sản;
- Tư vấn cổ phần hóa, tái cơ cấu doanh nghiệp và mua bán sáp nhập doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
- Tư vấn cung cấp thông tin kinh tế, thị trường (không bao gồm dịch vụ điều tra và cung cấp thông tin Nhà Nước cấm);
- Tư vấn đấu thầu (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
- Tư vấn cung cấp dịch vụ quản trị doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế);

- Sản xuất phim quảng cáo, tiếp thị quảng cáo, quảng cáo thiếp thị đa phương tiện (truyền hình, internet, ấn phẩm báo chí, phát thanh trực tiếp, không bao gồm sản xuất phim);
- Dịch vụ tổ chức tài trợ, tổ chức sự kiện về vấn đề kinh tế, xã hội, thể thao, giải trí, truyền hình;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Mua bán, lắp đặt các thiết bị phục vụ hệ thống;
- Mua bán, lắp đặt các thiết bị phục vụ hệ thống thông tin, viễn thông truyền hình;
- Sản xuất, cung cấp, lắp đặt, kinh doanh các thiết bị, sản phẩm nội ngoại thất dùng cho toà nhà văn phòng, chung cư, khách sạn, nhà hàng;
- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu phao, phao cứu sinh, lều, bạt, vải các loại, hàng dệt may;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, các công trình hạ tầng đô thị và các khu dân cư;
- Bán buôn tổng hợp: hoá chất, phụ gia xây dựng và vật liệu xây dựng;
- Vận tải đường bộ và vận tải đường ống;
- Dịch vụ kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải;
- Đại lý cung cấp các dịch vụ viễn thông;
- Xây lắp các công trình chuyên ngành bưu chính, viễn thông;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng; vật liệu xây dựng, thang máy

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.2.1. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được xác định theo giá gốc.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền hoặc giá đánh giá lại nếu là đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty mẹ khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận. Việc trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn được thực hiện theo các quy định hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019, hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

2.5. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

2.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7. Tài sản cố định

Thực hiện Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC sửa đổi bổ sung một số điều thông tư 45 của Bộ tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện, vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
- Máy móc thiết bị	07 – 20 năm
- Phần mềm máy tính	03 – 05 năm

2.8. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.9. Vay và Nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ

2.12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.13. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ.

2.17. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chi phí lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

2.19. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.20. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp;
- Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIVSố 11/18/199, Đường Hồ Tùng Mậu, Tổ 3, P. Cầu Diễn, Q. Nam Từ Liêm,
Tp. Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày
30/06/2022

3. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	755.880.082	890.897.042
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	27.215.396	27.402.323
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (VND)	18.192.825	18.304.208
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (ngoại tệ)	9.022.571	9.098.115
Cộng	783.095.478	918.299.365

4. Phải thu khách hàng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	2.905.670.331	2.905.670.331
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Phú Xuân	1.686.450.000	1.686.450.000
Công ty CP đầu tư và XNK Bình Minh	1.219.220.331	1.219.220.331
Cộng	2.905.670.331	2.905.670.331

5. Trả trước cho người bán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	758.470.535	748.620.535
Công ty CP DV đường cao tốc Việt Nam	400.000.000	400.000.000
Công ty cổ phần Trung Tín	233.120.535	233.120.535
Các đối tượng khác	125.350.000	115.500.000
Cộng	758.470.535	748.620.535

6. Phải thu khác	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	27.693.000	-	27.693.000	-
Phải thu khác	27.693.000	-	27.693.000	-
Cộng	27.693.000	-	27.693.000	-

7. Nợ xấu	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	3.538.790.866	-	3.538.790.866	-
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Phú Xuân	1.686.450.000	-	1.686.450.000	-
Công ty CP đầu tư và XNK Bình Minh	1.219.220.331	-	1.219.220.331	-
Công ty CP DV đường cao tốc Việt Nam	400.000.000	-	400.000.000	-
Công ty cổ phần Trung Tín	233.120.535	-	233.120.535	-
Cộng	3.538.790.866	-	3.538.790.866	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PIV

Số 11/18/199, Đường Hồ Tùng Mậu, Tổ 3, P. Cầu Diễn, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm		3.636.363.636	1.672.363.636	363.907.932	5.672.635.204
- Mua trong kỳ					-
- Đầu tư hoàn thành					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác					-
Số cuối kỳ		3.636.363.636	1.672.363.636	363.907.932	5.672.635.204
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm		3.246.753.298	1.504.349.373	363.907.932	5.115.010.603
- Khấu hao trong kỳ		259.740.264	119.454.540		379.194.804
- Phân loại lại					-
- Thanh lý nhượng bán					-
- Giảm khác					-
Số cuối kỳ		3.506.493.562	1.623.803.913	363.907.932	5.494.205.407
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm		389.610.338	168.014.263	-	557.624.601
Tại ngày cuối kỳ		129.870.074	48.559.723	-	178.429.797

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đang cầm cố, thế chấp: 0 đồng

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng còn đang sử dụng: 363.907.932 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN PIV

Số 11/18/199, Đường Hồ Tùng Mậu, Tổ 3, P. Cầu Diễn, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022**9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá	Tổng cộng
Số đầu năm	31.284.600
- Mua trong kỳ	-
- Thanh lý, nhượng bán	-
- Giảm khác	-
Số cuối kỳ	31.284.600
Giá trị hao mòn	31.284.600
Số đầu năm	31.284.600
- Khấu hao trong kỳ	-
- Thanh lý nhượng bán	-
- Giảm khác	-
Số cuối kỳ	31.284.600
Giá trị còn lại	31.284.600
Tại ngày đầu năm	-
Tại ngày cuối kỳ	-

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đang cầm cố, thế chấp: 0 đồng

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng còn đang sử dụng: 31.284.600 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN PIV

Số 11/18/199, Đường Hồ Tùng Mậu, Tổ 3, P. Cầu Diễn, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022**10. Các khoản đầu tư tài chính**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	156.601.280.000	-
Công ty CP BOT Cầu Thái Hà			156.601.280.000	(*)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	156.601.280.000	-	-	-
Công ty CP BOT Cầu Thái Hà	156.601.280.000	(*)	-	-

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của công ty tại ngày 30/06/2022 như sau:

Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP BOT Cầu Thái Hà	Thôn Phú Vật, Xã Tiến Đức, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Tiến Đức, Hưng Hà, Thái Bình	7,37%	7,37%	- Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ - Xây dựng nhà các loại; - Hoàn thiện công trình xây dựng; - Lắp đặt máy móc, thiết bị; - Bán buôn sắt thép; - Hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác; (Chi tiết: Thu lệ phí cầu đường).

CÔNG TY CỔ PHẦN PIVSố 11/18/199, Đường Hồ Tùng Mậu, Tổ 3, P. Cầu Diễn, Q. Nam Từ Liêm,
Tp. Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày
30/06/2022**11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

Đơn vị tính: VND

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
a. Phải nộp						
Thuế Giá trị gia tăng	-	904.229.290	-	-	-	904.229.290
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	4.814.547.979	-	-	-	4.814.547.979
Thuế Thu nhập cá nhân	-	48.446.202			-	48.446.202
Các loại thuế khác	-	879.359.272			-	879.359.272
Phí, lệ phí và các khoản phải	-	87.815.880	3.000.000	3.000.000	-	87.815.880
Cộng	-	6.734.398.623	3.000.000	3.000.000	-	6.734.398.623

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12. Phải trả khác

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	242.290.803	224.052.605
Kinh phí công đoàn	42.090.810	42.090.810
Bảo hiểm xã hội	107.682.981	97.041.831
Bảo hiểm y tế	19.077.993	17.162.586
Bảo hiểm thất nghiệp	7.911.580	7.485.934
Các khoản phải trả, phải nộp khác	65.527.439	60.271.444
Cộng	242.290.803	224.052.605

CÔNG TY CỔ PHẦN PIV

Số 11/18/199, Đường Hồ Tùng Mậu, Tổ 3, P. Cầu Diễn, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022**13. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	173.249.420.000	(261.600.000)	443.972.144	35.157.200	(20.924.369.957)	152.542.579.387
- Tăng vốn trong năm trước						-
- Lãi trong năm trước						-
- Lỗ trong năm trước					(1.137.464.040)	(1.137.464.040)
Số dư đầu kỳ này	173.249.420.000	(261.600.000)	443.972.144	35.157.200	(22.061.833.997)	151.405.115.347
- Tăng vốn trong kỳ này						-
- Lãi trong kỳ này						-
- Lỗ trong kỳ này					(522.227.852)	(522.227.852)
Số dư cuối cuối kỳ	173.249.420.000	(261.600.000)	443.972.144	35.157.200	(22.584.061.849)	150.882.887.495

CÔNG TY CỔ PHẦN PIVSố 11/18/199, Đường Hồ Tùng Mậu, Tổ 3, P. Cầu Diễn, Q. Nam Từ Liêm,
Tp. Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày

30/06/2022

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Bà Hoàng Thị Hoài	16.385.000.000	16.385.000.000
Các đối tượng khác	156.864.420.000	156.864.420.000
Cộng	173.249.420.000	173.249.420.000
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	173.249.420.000	173.249.420.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	173.249.420.000	173.249.420.000
d. Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.324.942	17.324.942
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.324.942	17.324.942
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	17.324.942	17.324.942
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.324.942	17.324.942
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	17.324.942	17.324.942
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP		
f. Các quỹ của doanh nghiệp	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
- Quỹ đầu tư phát triển	443.972.144	443.972.144
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	35.157.200	35.157.200
14. Các khoản mục ngoài bảng Cân đối kế toán	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Ngoại tệ các loại		
- USD	42,57	45,87
15. Doanh thu hoạt động tài chính	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Lãi tiền gửi, cho vay	2.617	6.285
- Chênh lệch tỷ giá		
Cộng	2.617	6.285
17. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Chi phí nhân công	118.349.243	132.184.841
- Chi phí khấu hao	379.194.804	382.922.106
- Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.610.963	3.856.319
- Chi phí khác bằng tiền	14.075.459	87.507.235
- Chi phí dự phòng		
Cộng	522.230.469	609.470.501

18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(522.227.852)	(609.464.216)
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(522.227.852)	(609.464.216)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	17.324.942	17.324.942
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(30)	(35)

19. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này

20. Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	783.095.478		918.299.365	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.691.833.866	(3.538.790.866)	3.681.983.866	(3.538.790.866)
Cộng	4.474.929.344	(3.538.790.866)	4.600.283.231	(3.538.790.866)
Nợ phải trả tài chính			Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Vay và nợ			-	-
Phải trả người bán, phải trả khác			242.290.803	224.052.605
Chi phí phải trả			-	-
Cộng			242.290.803	224.052.605

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	783.095.478			783.095.478
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.691.833.866	-		3.691.833.866
Cộng	4.474.929.344	-	-	4.474.929.344
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	918.299.365			918.299.365
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.681.983.866	-		3.681.983.866
Cộng	4.600.283.231	-	-	4.600.283.231

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

22. Nghiệp vụ và các số dư Bên liên quan

Họ và tên	Chức danh	Kỳ này
Ông Đỗ Quang	Tổng Giám đốc	50.361.638
Bà Đặng Thị Nụ	Trưởng Ban kiểm soát	21.410.323

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

23. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP

Người lập biểu**Lê Thị Thanh Nga****Kế toán trưởng****Lê Thị Thanh Nga**

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2022

Chủ tịch HĐQT**Trương Tuấn Anh**